

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC  
CHO NHÂN VIÊN Y TẾ TRƯỜNG HỌC**

**HỌC PHẦN 8**  
**CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT  
ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



## CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Đề**

Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**TS. Nguyễn Nho Huy**

Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## BAN BIÊN SOẠN CÁC TÀI LIỆU

**1. NGND.PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh**

Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
Trưởng ban biên soạn các tài liệu.

**2. TS.BS. Lê Văn Tuấn**

Chuyên viên cao cấp Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
Trưởng nhóm thư ký biên soạn các tài liệu.

## BAN BIÊN SOẠN HỌC PHẦN 8

**1. NGND.PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh**, Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trưởng ban).

**2. PGS.TS. Nguyễn Thúy Quỳnh**, Trưởng Bộ môn Sức khỏe an toàn nghề nghiệp, Trường Đại học Y tế Công cộng (Thành viên).

**3. TS. Trần Thị Thu Thủy**, Giảng viên Bộ môn Sức khỏe an toàn nghề nghiệp, Trường Đại học Y tế Công cộng (Thành viên, Thư ký).

**4. TS. Bùi Hữu Toàn**, Chuyên viên chính, Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế, (Thành viên).

## LỜI NÓI ĐẦU

Công tác Quản lý sức khỏe học sinh có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe học sinh trong thời gian các em ở trường. Các yếu tố thuộc về trường học tác động trực tiếp tới cơ thể đang phát triển của các em, nếu không được kiểm soát tốt sẽ trở thành nguy cơ phát sinh bệnh tật, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe và thành tích học tập của học sinh.

Tài liệu Công tác Quản lý sức khỏe (QLSK) học sinh là một trong 8 tài liệu thuộc Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhân viên y tế trường học (NVYTTH) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn. Mục tiêu của tài liệu này nhằm giới thiệu các nội dung cơ bản về QLSK học sinh, các phương pháp và hoạt động liên quan đến QLSK học sinh. Trên cơ sở đó, các trường xây dựng các kế hoạch QLSK và YTTH cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của trường mình.

Tài liệu này gồm 3 phần: 1) Quản lý sức khỏe học sinh tại trường học; 2) Quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh và 3) Lập kế hoạch y tế trường học.

Tài liệu này có thể sử dụng làm tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các NVYTTH chuyên trách, nhân viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học, sinh viên khối ngành sức khỏe, và các đối tượng khác liên quan giúp họ có đầy đủ kiến thức về công tác QLSK học sinh và áp dụng vào thực tế công tác YTTH tại đơn vị mình.

Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho NVYTTH được xây dựng bởi các chuyên gia về YTTH với sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, và kinh nghiệm triển khai các dự án liên quan đến y tế học đường trong thực tế của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children) tại Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đón nhận các ý kiến đóng góp của bạn đọc để tài liệu hướng dẫn ngày càng hoàn thiện. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục thể chất), 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|               |                            |
|---------------|----------------------------|
| <b>BGDĐT</b>  | Bộ Giáo dục và Đào tạo     |
| <b>BHYT</b>   | Bảo hiểm y tế              |
| <b>BKHCN</b>  | Bộ Khoa học và Công nghệ   |
| <b>BYT</b>    | Bộ Y tế                    |
| <b>CSSKHS</b> | Chăm sóc sức khỏe học sinh |
| <b>GDTC</b>   | Giáo dục thể chất          |
| <b>NVYTTH</b> | Nhân viên y tế trường học  |
| <b>QCVN</b>   | Quy chuẩn Việt Nam         |
| <b>QLSK</b>   | Quản lý sức khỏe           |
| <b>SKHD</b>   | Sức khỏe học đường         |
| <b>TCVN</b>   | Tiêu chuẩn Việt Nam        |
| <b>TDTT</b>   | Thể dục thể thao           |
| <b>THCS</b>   | Trung học cơ sở            |
| <b>THPT</b>   | Trung học phổ thông        |
| <b>YTTH</b>   | Y tế trường học            |

**MỤC LỤC**

|                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>LỜI NÓI ĐẦU</b>                                                                              | <b>3</b>  |
| <b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b>                                                                | <b>4</b>  |
| <b>BÀI 1: QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC</b>                                        | <b>7</b>  |
| 1. Khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học | 7         |
| 2. Nội dung và giải pháp quản lý sức khỏe học sinh trong trường học                             | 11        |
| 3. Một số văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học     | 16        |
| <b>BÀI 2: QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE HỌC SINH</b>                                                   | <b>19</b> |
| 1. Mục đích của công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh                                        | 19        |
| 2. Nội dung hồ sơ quản lý sức khỏe, khám định kỳ và tư vấn dinh dưỡng cho học sinh              | 21        |
| 3. Tổ chức thực hiện                                                                            | 23        |
| <b>BÀI 3: LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC</b>                                                      | <b>27</b> |
| 1. Công tác tổ chức và lập kế hoạch                                                             | 27        |
| 2. Các nội dung cơ bản cần xem xét để lập kế hoạch y tế trường học                              | 29        |
| 3. Phương pháp lập kế hoạch y tế trường học                                                     | 36        |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                       | <b>40</b> |

|                                                                     |           |
|---------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                      | <b>43</b> |
| Phụ lục 1: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh tại cơ sở giáo dục mầm non | 43        |
| Phụ lục 2: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh tiểu học                   | 54        |
| Phụ lục 3: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh trung học cơ sở            | 62        |
| Phụ lục 4: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh trung học phổ thông        | 70        |
| Phụ lục 5: Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh        | 78        |
| Phụ lục 6: Sổ theo dõi tai nạn thương tích                          | 87        |
| Phụ lục 7: Mẫu kế hoạch y tế trường học                             | 88        |

## BÀI

## 1

## QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

**Mục tiêu bài học:**

Sau khi kết thúc bài học, người học có khả năng:

1. Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường học.
2. Trình bày được các phương pháp quản lý sức khỏe học sinh tại trường học.
3. Áp dụng các nội dung quản lý sức khỏe học sinh trong quá trình lập kế hoạch y tế trường học theo quy định hiện hành.

## 1

## KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

**1.1. Một số khái niệm**

**Sức khỏe:** Tổ chức Y tế Thế giới đã định nghĩa “sức khỏe là trạng thái thoải mái toàn diện về thể chất, tinh thần và xã hội và không phải chỉ bao gồm tình trạng không có bệnh hay thương tật.”

**Hệ thống giáo dục** của Việt Nam bao gồm nhiều cấp, bắt đầu từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng đại học và sau đại học.

- Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi. Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân

cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

- Giáo dục tiểu học được thực hiện trong 05 năm học, từ lớp một đến hết lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là 06 tuổi và được tính theo năm;
- Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong 04 năm học, từ lớp sáu đến hết lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học. Tuổi của học sinh vào học lớp sáu là 11 tuổi và được tính theo năm;
- Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 03 năm học, từ lớp mười đến hết lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Tuổi của học sinh vào học lớp mười là 15 tuổi và được tính theo năm.

Các quy định hiện hành về quản lý sức khỏe học sinh nói riêng và y tế trường học nói chung tập trung chủ yếu vào các cơ sở giáo dục từ mầm non đến giáo dục phổ thông.

**Quản lý:** Không có một định nghĩa duy nhất cho thuật ngữ quản lý. Tùy từng tình huống cụ thể mà có các định nghĩa về quản lý khác nhau. Xét một cách chung nhất, quản lý là sự kết hợp những nỗ lực, sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả, động viên con người, tạo ra bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra một tổ chức hoặc một hệ thống nhằm đạt tới một loạt các mục tiêu: Nguồn lực chính để thực hiện các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe hay giải quyết mọi công việc khác là nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và kể cả thời gian. Tuy nhiên nguồn lực không phải là vô tận, nên việc sử dụng các nguồn lực đòi hỏi phải như thế nào để có hiệu quả nhất, nghĩa là với chi phí về nguồn lực nhỏ nhất mà vẫn đạt được mục tiêu đề ra.

**Quản lý sức khỏe:** Quản lý sức khỏe là các biện pháp cung cấp hướng dẫn và chỉ đạo để quản lý sức khỏe ở cấp độ cá nhân, tổ chức và hệ thống. Quản lý sức khỏe bao gồm một tầm nhìn toàn diện về sức khỏe, trong đó sức khỏe bị ảnh hưởng bởi các yếu tố quyết định hành vi, xã hội và môi trường. Quản lý sức khỏe bao gồm và vượt ra ngoài quản lý chăm sóc sức khỏe, bao gồm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng tuyến đầu, tuyến giữa và tuyến cuối.

Do đó, quản lý sức khỏe là một phương pháp bao gồm quản lý chăm sóc sức khỏe nhưng có cách tiếp cận rộng hơn. Quản lý sức khỏe được thực



hiện từ cấp độ cá nhân đến cấp độ cộng đồng. Trên thực tế, ở cấp độ cá nhân, mọi người có thể quản lý sức khỏe của mình bằng cách theo dõi các dấu hiệu sinh tồn và thực hiện các phương pháp điều trị theo chỉ định và đóng vai trò là người đưa ra quyết định trong các lựa chọn lối sống. Ngoài ra, những cá nhân có nguy cơ cao mắc một căn bệnh nhất định có thể giảm nguy cơ mắc bệnh bằng cách áp dụng các biện pháp phòng bệnh. Trong lĩnh vực điều trị, người bệnh có thể tự quản lý sức khỏe và chăm sóc bản thân để đạt được kết quả sức khỏe mong muốn.

Ngoài những yếu tố cá nhân, sức khỏe còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác theo bối cảnh, điều kiện xã hội và môi trường. Ý nghĩa chính xác của quản lý sức khỏe thay đổi tùy theo quan điểm được thực hiện. Mặc dù các thuật ngữ quản lý sức khỏe và quản lý chăm sóc sức khỏe thường được sử dụng thay thế cho nhau, nhưng phạm vi của quản lý sức khỏe lớn hơn và bao gồm tầm nhìn toàn diện hơn về sức khỏe.

**Quản lý sức khỏe học sinh tại trường học:** Như vậy, quản lý sức khỏe học sinh tại trường học bao gồm hệ thống các giải pháp để quản lý sức khỏe của học sinh khi học tập và sinh hoạt tại trường học, kiểm soát và quản lý các yếu tố ảnh hưởng/ điều kiện phát sinh tại trường học có thể tác động đến sức khỏe học sinh.

## **1.2. Vai trò và tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học**

Lứa tuổi học sinh chiếm gần 1/3 cơ cấu dân số của mỗi quốc gia, đây cũng là giai đoạn phát triển quan trọng, quyết định chất lượng toàn diện của lực lượng lao động tương lai cho xã hội. Lứa tuổi này, các em đang trong giai đoạn phát triển và lớn nhanh về mọi mặt, cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Bên cạnh tri thức, sự phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần trong gần 20 năm đầu đời rất cần được quan tâm. “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”, thông điệp của Tổ chức Y tế thế giới gửi đến tất cả các quốc gia, nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm sóc, bảo vệ và tạo điều kiện tối ưu cho trẻ phát triển.

Mặt khác, trẻ dành trung bình 1/3 thời gian trong ngày tại trường học. Trẻ có thể gặp phải nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe vì trường học là nơi tập trung trẻ với số lượng lớn (35 - 50 em trong một lớp học), trong một thời gian dài trong ngày (từ 5-8 tiếng) và trong năm (từ 9 - 10 tháng). Do

đó, nếu không được theo dõi kiểm tra, quản lý sức khỏe thường xuyên và quản lý các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe tại trường học, học sinh có nguy cơ cao mắc nhiều bệnh tật, tai nạn thương tích, có thể để lại nhiều di chứng đi suốt cuộc đời của trẻ.

Ngoài ra cùng với sự phát triển tâm sinh lý lứa tuổi, trẻ trong độ tuổi đi học thường gặp một số vấn đề sức khỏe như bệnh, tật học đường mà tiêu biểu là cong vẹo cột sống và tật khúc xạ; các bệnh liên quan đến rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng như suy dinh dưỡng, thừa cân/béo phì; rối nhiễu tâm lý và một số bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm,... Các vấn đề bất lợi, bệnh tật trên không chỉ gây ảnh hưởng tới tình trạng sức khỏe về thể chất mà còn gây ảnh hưởng tới khả năng học tập và tham gia các hoạt động giáo dục khác của học sinh. Quản lý sức khỏe học sinh tại trường học là nhiệm vụ quan trọng cần được thực hiện theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo kịp thời phát hiện, xử lý các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe, dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các vấn đề sức khỏe tại trường học của học sinh.

## 2

## NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

Theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường (SKHD) giai đoạn 2021-2025, quản lý sức khỏe học sinh là một trong 5 nội dung chủ yếu của chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 và cũng là một trong những nội dung chính của công tác y tế trường học được qui định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định công tác y tế trường học. Các nội dung và phương pháp thực hiện quản lý sức khỏe học sinh tại trường học được trình bày cụ thể trong các phần tiếp theo.

### 2.1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, và đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý, hợp vệ sinh và phù hợp với sự phát triển của học sinh

Với khái niệm về quản lý sức khỏe học sinh tại trường học nêu trên, công tác quản lý sức khỏe học sinh cần theo dõi sự phát triển của trẻ, đặc biệt ở những cấp học mầm non và tiểu học, là lứa tuổi trẻ có nguy cơ cao mắc phải các vấn đề sức khỏe liên quan đến tình trạng dinh dưỡng như suy dinh dưỡng, thiếu/ thừa vi chất hoặc béo phì. Ngoài ra việc theo dõi tình trạng dinh dưỡng cần được thực hiện tại mọi lứa tuổi, để đảm bảo kịp thời phát hiện các vấn đề dinh dưỡng có thể ảnh hưởng đến sự khỏe, sự phát triển và học tập của trẻ, từ đó có những tư vấn, trao đổi và phối hợp hiệu quả hơn giữa gia đình và nhà trường trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ.

Thông tin về nhu cầu dinh dưỡng, phương pháp đánh giá dinh dưỡng và các biện pháp phòng chống bệnh liên quan đến tình trạng dinh dưỡng được trình bày chi tiết trong học phần 3 Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Về khía cạnh quản lý, NVYTTH cần đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng các biện pháp sau:

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe học sinh tối thiểu 1 lần/

năm vào thời điểm đầu năm học. Học sinh cuối cấp sẽ được đánh giá tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng vào cuối cấp học để chuẩn bị cho cấp tiếp theo. Tần suất đánh giá tình trạng dinh dưỡng thay đổi theo lứa tuổi.

- Các thông số liên quan đến tình trạng dinh dưỡng bao gồm chiều cao, cân nặng (đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi); và chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực (đối với học sinh từ 36 tháng tuổi trở lên).
- Việc đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ dưới 24 tháng tuổi được thực hiện mỗi tháng một lần và cho trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 6 tuổi mỗi quý một lần; theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI) ít nhất 02 lần/năm học để tư vấn về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực đối với học sinh phổ thông. Các nội dung này có trong các biểu mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh cho mỗi lứa tuổi, được trình bày trong bài 2 của tài liệu này.
- Đối với các cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn cho trẻ, cần đảm bảo giúp trẻ duy trì tình trạng dinh dưỡng bằng cách xây dựng thực đơn hợp lý với nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo lứa tuổi (trình bày trong Học phần 3). Bên cạnh đó, bữa ăn cung cấp cho trẻ (có thể từ bếp ăn tập thể của trường hoặc một đơn vị hợp đồng cung cấp bữa ăn) cần đảm bảo dinh dưỡng và tuân thủ các quy định an toàn thực phẩm (ATTP) hiện hành (quy định chi tiết trong Học phần 3). Ngoài vấn đề dinh dưỡng, NVYTTH tại các trường có học sinh nội trú, bán trú, tổ chức bữa ăn tại trường còn cần phải chú ý đến khía cạnh an toàn, hạn chế tối đa các nguy cơ sức khỏe do mất ATTP bằng cách:
- Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đối tượng và lứa tuổi.
- Đảm bảo các quy định ATTP trong chế biến, phân phối, bảo quản, sử dụng, thực hiện các quy định về lưu mẫu thực phẩm và kiểm thực 3 bước.

## **2.2. Theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe của học sinh, phát hiện sớm các bệnh, tật học đường**

Bên cạnh tình trạng dinh dưỡng, trẻ nhỏ gặp phải nhiều vấn đề sức khỏe đặc thù theo lứa tuổi, một phần do đặc điểm phát triển tâm lý sinh lý của trẻ (được trình bày chi tiết trong học phần 1), một phần do các yếu

tổ khách quan đến từ môi trường gia đình, cộng đồng và trường học. Học phần 4, 5, 6 giới thiệu chi tiết về các vấn đề sức khỏe thường gặp ở học sinh (bệnh/tật học đường, bệnh truyền nhiễm, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, tai nạn thương tích,...) và các biện pháp quản lý cho từng vấn đề sức khỏe. NVYTTH cần tổng hợp và vận dụng kiến thức, thông tin từ tất cả các vấn đề đơn lẻ để có thể quản lý toàn diện sức khỏe học sinh tại trường học, đặc biệt là các vấn đề bệnh, tật do hoạt động học tập, điều kiện học tập gây ra bằng các cách sau đây:

- Thường xuyên theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác để xử trí, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định và áp dụng chế độ học tập, rèn luyện phù hợp với tình trạng sức khỏe.
- Lập và ghi chép vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh.
- Thông báo định kỳ tối thiểu 01 lần/năm học và khi cần thiết về tình hình sức khỏe của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh. Nhân viên y tế trường học đánh giá tình trạng sức khỏe học sinh vào cuối mỗi cấp học để làm căn cứ theo dõi sức khỏe ở cấp học tiếp theo.

Nội dung kiểm tra cụ thể cho từng đối tượng và các biểu mẫu hồ sơ sức khỏe liên quan được trình bày trong bài 2 của tài liệu này.

### **2.3. Phối hợp với ngành Y tế thực hiện khám sàng lọc, phát hiện và điều trị bệnh thông thường, sơ cấp cứu và chuyển viện khi cần thiết**

Sự phối hợp với cơ sở y tế địa phương, đặc biệt là các trạm y tế xã/phường đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ NVYTTH hoàn thành nhiệm vụ quản lý sức khỏe học sinh. Trong một số trường hợp điều kiện cơ sở vật chất hay năng lực của NVYTTH không đảm bảo để có thể xử lý, điều trị cho học sinh, trẻ cần được đưa đến CSYT gần nhất để kịp thời xử lý. Ngoài ra, các cơ sở y tế mới có thẩm quyền và chức năng thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám và điều trị bệnh chuyên khoa cho trẻ, và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu như tiêm chủng, vắc xin, uống bổ sung vitamin A. Nội dung phối hợp giữa NVYTTH và cơ sở y tế được trình bày cụ thể hơn trong bài 2 và bài 3 của học phần này. Tuy nhiên NVYTTH cần đảm bảo thực hiện được các nội dung sau:

- Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện để tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa cho học sinh.
- Sơ cứu, cấp cứu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.
- Phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh cho học sinh.

#### **2.4. Tư vấn về bệnh tật và sự phát triển của trẻ**

Để công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường học đạt hiệu quả, NVYTTH cần tư vấn cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh; hướng dẫn cho học sinh biết tự chăm sóc sức khỏe. Nhiệm vụ chăm sóc bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh cần có sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của chính học sinh, gia đình và nhà trường. Trong trường hợp đặc biệt với học sinh khuyết tật, NVYTTH cũng có thể tham gia tư vấn và hỗ trợ cho học sinh khuyết tật hòa nhập. Các nội dung cụ thể về truyền thông giáo dục sức khỏe được trình bày trong học phần 7.

Việc tư vấn này có thể được lồng ghép trong các hoạt động hội họp giao ban của nhà trường, các tiết sinh hoạt/ hoạt động ngoài giờ của học sinh hoặc tổ chức dưới dạng bác buổi sinh hoạt chuyên đề về từng chủ đề cụ thể. Thông tin về sức khỏe và sự phát triển của trẻ cũng được ghi chép và lưu giữ trong các hồ sơ sức khỏe, có chia sẻ cho cha mẹ học sinh để cùng theo dõi, nắm bắt được tình trạng sức khỏe của trẻ cũng như phối hợp quản lý sức khỏe học sinh tại gia đình.

#### **2.5. Phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và các vấn đề tệ nạn xã hội và nâng cao sức khỏe cho học sinh tại trường học**

Bên cạnh nhiệm vụ theo dõi, khám sàng lọc và điều trị các vấn đề sức khỏe cho học sinh, việc dự phòng nguy cơ cũng đóng vai trò quan trọng. Trường học, điều kiện học tập có thể chứa đựng những yếu tố nguy cơ, yếu tố gây mất an toàn cho trẻ. NVYTTH có thể triển khai các hoạt động dự phòng nâng cao sức khỏe bằng các cách sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay. Chủ động triển khai các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch theo hướng dẫn cập nhật của Bộ Y tế.

- Tổ chức triển khai các chương trình y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, xây dựng môi trường không khói thuốc lá, không sử dụng đồ uống có cồn và các chất gây nghiện.

Từ Học phần 2 đến Học phần 7 có trình bày về các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe học sinh cần phải được kiểm tra giám sát, theo dõi và đánh giá. Đặc biệt Học phần 2 về vệ sinh trường học tập trung vào các yêu cầu liên quan đến cơ sở vật chất, điều kiện vệ sinh phòng chống các bệnh, tật học đường của trẻ.

Nhiều biện pháp có thể thực hiện để hỗ trợ công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường học, bao gồm những hoạt động được thực hiện trong khuôn viên cơ sở giáo dục và cả những hoạt động có thể có hiệu quả bên ngoài trường học, ví dụ như việc thông báo hay phối hợp với cha mẹ học sinh để quản lý sức khỏe của trẻ. Tuy nhiên để có thể triển khai bài bản các hoạt động này và đạt kết quả cao, chấp hành các quy định hiện hành về YTTH, việc lập, triển khai và kiểm tra giám sát kế hoạch YTTH là rất cần thiết. Nội dung lập kế hoạch YTTH này được trình bày chi tiết trong bài 3 của tài liệu này.

## MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

Danh mục văn bản pháp quy đầy đủ liên quan đến y tế trường học được trình bày trong Học phần 1 Tổng quan về y tế trường học và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh. Ngoài ra trong từng học phần/ nội dung cụ thể cũng sẽ trích dẫn các văn bản pháp quy liên quan. Đối với công tác quản lý sức khỏe học sinh trong các cơ sở giáo dục, hai văn bản hướng dẫn về y tế trường học/ sức khỏe trường học toàn diện và đầy đủ là Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 2/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016, quy định về công tác y tế trường học, trong đó có nội dung về công tác quản lý sức khỏe học sinh, quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh, lập kế hoạch YTTH và các biểu mẫu liên quan. Sau đây là một số văn bản pháp quy cụ thể về quản lý sức khỏe học sinh trong trường học:

- *Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT* ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.
- *Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT* ngày 26/10/2021 hướng dẫn nội dung, biện pháp, kiểm tra, đánh giá xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- *Quyết định số 4501/QĐ-BGD-ĐT* ngày 29/11/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025.
- *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT* ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.



- *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT* ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường phổ thông.
- *Thông tư số 23/2017/TT-BYT* ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em, tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng.



## BÀI 2

# QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE HỌC SINH



### **Mục tiêu bài học:**

Sau khi kết thúc bài học, người học có khả năng:

1. Trình bày được các khái niệm và tầm quan trọng của công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh tại trường học.
2. Xây dựng hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh phù hợp với quy định hiện hành.
3. Phân tích vai trò của các bên liên quan trong công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.

## 1

## MỤC ĐÍCH CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE HỌC SINH

### 1.1. Khái niệm

Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh là một thành phần trong hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân bao gồm các thông tin về sức khỏe của học sinh được tạo lập ban đầu và cập nhật thường xuyên khi học sinh đi khám bệnh, chữa bệnh, kiểm tra/khám sức khỏe định kỳ/khám chuyên khoa để phục vụ cho việc quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của học sinh phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

### 1.2. Mục đích

- Tất cả học sinh đều được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe ban đầu: được tư vấn sức khỏe, được điều trị hoặc chuyển tuyến điều trị phù hợp khi có bệnh.

- Phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống y tế trường học cũng như hệ thống y tế cơ sở hiện có góp phần giảm tải cho các cơ sở y tế.
- Trên cơ sở xác định rõ tiền sử bệnh tật gia đình, cá nhân học sinh hoặc yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe, việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe sẽ sử dụng các thông tin sẵn có và thông qua kiểm tra/khám sức khỏe định kỳ/khám chuyên khoa cho học sinh để xác định những thông tin cơ bản về tình trạng sức khỏe, bệnh tật trong hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh, từ đó học sinh sẽ được tư vấn, theo dõi, chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh và định hướng chuyển tuyến cho học sinh khi có bệnh và quản lý các bệnh mạn tính như tim mạch, huyết áp, hô hấp, bệnh tật học đường, đảm bảo học sinh được chăm sóc sức khỏe ngay từ ban đầu thực sự chứ không phải có bệnh mới đi khám.

## 2

## NỘI DUNG HỒ SƠ QUẢN LÝ SỨC KHỎE, KHÁM ĐỊNH KỲ VÀ TƯ VẤN DINH DƯỠNG CHO HỌC SINH

### 2.1. Hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh

Hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh bao gồm:

- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh cơ sở giáo dục mầm non (Phụ lục 1)
- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh dành cho học sinh Tiểu học (Phụ lục 2)
- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh dành cho học sinh trung học cơ sở (Phụ lục 3)
- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh dành cho học sinh trung học phổ thông (Phụ lục 4)
- Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh (Phụ lục 5)
- Sổ theo dõi tai nạn thương tích học sinh (Phụ lục 6)

Việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh bảo đảm mỗi học sinh có 1 hồ sơ sức khỏe duy nhất và thống nhất lưu trữ trong hệ thống giáo dục xuyên suốt từ cơ sở giáo dục mầm non đến hết phổ thông trung học cũng như lưu trữ trong hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử trong toàn quốc. Khi có hồ sơ quản lý sức khỏe, mỗi học sinh khi cần khám chữa bệnh có thể dịch chuyển thông suốt trong hệ thống y tế, các thông tin về sức khỏe học sinh được cung cấp cho thầy thuốc nhanh chóng, chính xác, tạo thuận lợi cho việc chẩn đoán và điều trị người bệnh, giúp học sinh được chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục và phối hợp, phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời khi bệnh còn ở giai đoạn sớm, hiệu quả điều trị cao, giảm bớt chi phí. Việc có hồ sơ quản lý sức khỏe giúp các bác sĩ phát hiện sớm và giải quyết sớm ngay tại tuyến khám - chữa bệnh ban đầu đối với bệnh thông thường, hạn chế biến chứng và diễn biến bệnh tật nặng, giúp giảm quá tải bệnh viện, giảm áp lực đối với ngành y tế. Đối với quỹ BHYT, việc chẩn đoán, điều trị bệnh sớm sẽ đơn giản hơn, hạn chế bớt việc sử dụng kỹ thuật cao, do vậy giảm bớt chi phí BHYT.

- Hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh phải được lập vào đầu mỗi cấp học bao gồm các thông tin chung về nhân thân và một số thông tin tiền sử sức khỏe, bệnh tật phù hợp từng cấp học.
- Cập nhật tình trạng sức khỏe học sinh hàng năm sau khi kiểm tra sức khỏe, khám định kỳ hoặc sau mỗi lần học sinh đi khám chữa bệnh bao gồm đơn thuốc và kết quả xét nghiệm.

## **2.2. Khám sức khỏe định kỳ và tư vấn dinh dưỡng cho học sinh**

- Khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ em, học sinh bao gồm đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực,... phát hiện các trường hợp suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, bệnh tim mạch, bệnh về mắt, bệnh răng miệng, bệnh xương khớp, rối loạn sức khỏe tâm thần của trẻ em, học sinh. Khám phát hiện các dấu hiệu nghi ngờ khuyết tật cho trẻ em dưới 6 tuổi để tư vấn, xử trí hoặc điều trị thích hợp theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.
- Tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh: cung cấp thông tin, hướng dẫn cho học sinh và cha mẹ hoặc người giám hộ cách chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng trong mỗi lần khám sức khỏe định kỳ theo Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng. Trong đó:
  - + Đối với trẻ em dưới 6 tuổi: Tư vấn theo nội dung phù hợp với độ tuổi của trẻ em trong phần Hướng dẫn khám sức khỏe trẻ em định kỳ quy định tại Hướng dẫn quốc gia về sức khỏe sinh sản.
  - + Đối với học sinh từ 7 tuổi đến dưới 18 tuổi: Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh tật học đường; tư vấn, hướng dẫn cách chăm sóc sức khỏe sinh sản theo nội dung trong phần Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên quy định tại Hướng dẫn quốc gia về sức khỏe sinh sản; tư vấn chế độ dinh dưỡng cân bằng, hợp lý theo hướng dẫn hiện hành của Viện Dinh dưỡng. Các mối nguy gây ô nhiễm thực phẩm và ngộ độc thực phẩm thường gặp tại trường học.

## 3

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Ủy ban nhân các cấp, các Sở, ngành liên quan trong việc tổ chức và phối hợp triển khai thực hiện; hàng năm phê duyệt kế hoạch của tỉnh về việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng.
- Căn cứ tình hình thực tiễn để chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của địa phương, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện kế hoạch đã phê duyệt hàng năm.

**3.2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hàng năm về lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các cơ sở y tế trên địa bàn triển khai thực hiện.
- Phân công một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của tỉnh, thành phố làm đầu mối giúp Sở Y tế tổ chức hướng dẫn triển khai.
- Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3.3. Phòng Giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với ngành Y tế địa phương tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh.
- Đôn đốc, giám sát và thanh tra, kiểm tra các trường học trong việc thực hiện các nội dung trên.
- Phối hợp với ngành Y tế trong công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học.

- Phối hợp với ngành Y tế địa phương hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.
- Thực hiện việc thống kê, báo cáo kết quả hoạt động theo quy định.

### **3.4. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã**

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ cho học sinh trong cơ sở giáo dục; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh theo phân cấp.
- Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác y tế trường học; hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học trong công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.
- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc lập và quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh tại trường học theo phân cấp.
- Điều phối nhân lực hỗ trợ Trạm y tế xã, phường, thị trấn trong việc khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho học sinh.
- Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **3.4. Trạm y tế xã, phường, thị trấn**

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc lập kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy định.
- Phối hợp nhân viên y tế trong cơ sở giáo dục lập kế hoạch hàng năm, tổ chức lập Hồ sơ theo dõi sức khỏe cho học sinh; khám sức khỏe định kỳ; tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thống kê báo cáo theo quy định của pháp luật.

### **3.5. Cơ sở giáo dục**

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường.
- Kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh.
- Bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc cho nhân viên y tế trường học thực hiện nhiệm vụ.



- Trong trường hợp có quy hoạch, xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa trường học, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em, thuốc, trang thiết bị y tế phải thực hiện hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- Chỉ đạo thực hiện việc thống kê, báo cáo kết quả hoạt động y tế trường học theo quy định.

### 3.6. Nhân viên y tế trong các cơ sở giáo dục

- Lập hồ sơ sức khỏe ban đầu cho học sinh đối với học sinh đầu cấp học, bổ sung hoàn thiện hàng năm sau khi kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.
- Vào mỗi đầu kỳ học, nhân viên y tế trường học tổ chức cân, đo cho học sinh (có thể lồng ghép trong ngày khám sức khỏe định kỳ cho học sinh), nhập chiều cao, cân nặng của học sinh và các tình trạng sức khỏe khác.
- Trong năm học, khi một học sinh có diễn biến sức khỏe bất thường, nhân viên y tế học đường cập nhật tình trạng sức khỏe học sinh sau đi khám chữa bệnh bao gồm: đơn thuốc, kết quả xét nghiệm, phim X quang,...
- Khi phát hiện bệnh tật, các nguy cơ về bệnh tật, nhân viên y tế trường học thông báo cho gia đình học sinh, phối hợp gia đình và cơ sở y tế để tư vấn, xử trí hoặc điều trị thích hợp.
- Thực hiện tổng hợp báo cáo sức khỏe học sinh theo quy định.